

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~141~~ /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 09 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
**V/v phê duyệt danh mục nhiệm vụ nghiên cứu
và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ngày 15/9/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Trên cơ sở xem xét kết quả làm việc của các Hội đồng khoa học công nghệ chuyên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập để tư vấn xác định nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai năm 2018;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại các Tờ trình: Số 44/TTr-SKHCN ngày 18/01/2018; số 213/TTr-SKHCN ngày 27/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ nghiên cứu và triển khai cấp tỉnh thực hiện từ năm 2018 của tỉnh Gia Lai, gồm 09 nhiệm vụ (có Danh mục kèm theo quyết định này).

Điều 2. Việc triển khai các danh mục nhiệm vụ nghiên cứu phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và đảm bảo hiệu quả đạt được của các nhiệm vụ sau khi kết thúc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ và cá nhân đăng ký Chủ trì thực hiện nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.//

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở KH&CN; Sở Tài chính;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX.





DANH MỤC NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

VÀ TRIỂN KHAI CẤP TỈNH THỰC HIỆN TỪ NĂM 2018

(Kèm theo Quyết định số: 444/QĐ - UBND ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

 Sở Nông nghiệp và Lâm nghiệp Tỉnh Gia Lai		Mục tiêu		Nội dung		Sản phẩm dự kiến		Khả năng địa chỉ áp dụng		Thời gian thực hiện		Ghi chú			
LĨNH VỰC: NÔNG - LÂM NGHIỆP															
1		Dự án: “Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nghề nhân giống và xây dựng mô hình trồng Lan Kim tuyến dưới tán rừng tự nhiên tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai”.		Mục tiêu chung: Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nhân giống, phát triển nghề trồng, chế biến được liệu: bảo vệ nguồn gen, khai thác bền vững nguồn được liệu Lan Kim tuyến dưới tán rừng tự nhiên nhằm tạo ra sản phẩm được liệu có giá trị kinh tế cao. Mục tiêu cụ thể: - Nhận chuyển giao thành công quy trình công nghệ nuôi cấy mô Lan Kim tuyến với quy mô lớn (công suất 500.000 cây/năm). - Xây dựng thành công quy trình trồng Lan Kim tuyến nuôi cấy mô dưới tán rừng tự nhiên. - Tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị cao (1.000 kg Lan Kim tuyến tươi, tương đương 100 kg Lan Kim tuyến khô). - Tập huấn kỹ thuật viên cơ sở và Doanh nghiệp.		- Nội dung 1: Khảo sát, thu mẫu Lan Kim tuyến tại một số điểm thuộc huyện K Bang, tỉnh Gia Lai; xác định tên khoa học và lập hồ sơ mẫu (ảnh mẫu, tiêu bản, ngày và nơi thu...). - Nội dung 2: Chuyển giao quy trình nhân giống nuôi cấy mô cây Lan Kim tuyến có nguồn gốc tại địa phương với quy mô sản xuất thử nghiệm cho 01 - 02 doanh nghiệp tại huyện Kbang. - Nội dung 3: Xây dựng mô hình trồng cây Lan Kim tuyến từ các cây nuôi cấy mô tại 01-02 doanh nghiệp và một số hộ nông dân huyện Kbang (diện tích trồng 3.000m² tại doanh nghiệp và 2.000m² tại hộ dân) - Nội dung 4: Xây dựng mô hình bảo quản và sơ chế Lan Kim tuyến sau thu hoạch quy mô nhỏ, đơn giản, tiết kiệm năng lượng tại doanh nghiệp và các hộ nông dân tỉnh Gia Lai - Nội dung 5: Đánh giá, phân tích và so sánh chất lượng hoạt chất trong cây Lan Kim tuyến tự nhiên tại Gia Lai và cây Lan Kim tuyến nuôi cấy mô thu hoạch sau 1 năm.		- Chuyển đề về đánh giá, phân tích, so sánh chất lượng của cây Lan Kim tuyến tự nhiên và cây nuôi cấy mô. - Quy trình nhân giống nuôi cấy mô cây Lan Kim tuyến quy mô sản xuất. - Quy trình trồng, chăm sóc và thu hoạch cây Lan Kim tuyến nuôi cấy mô dưới tán rừng phù hợp với điều kiện địa phương. - Quy trình bảo quản và sơ chế Lan Kim tuyến sau thu hoạch quy mô nhỏ, đơn giản tiết kiệm năng lượng. - Mô hình nuôi cấy mô Lan Kim tuyến quy mô 500.000 cây/ năm - Mô hình trồng, chăm sóc và thu hoạch cây Lan Kim tuyến dưới tán rừng tại 01-02 doanh nghiệp và một số hộ nông dân huyện Kbang (quy mô 5.000m² cho giống nuôi cấy mô), tạo ra 1.000kg Lan Kim tuyến tươi.		- Sổ NN&PTNT tỉnh Gia Lai - Trung tâm Khuyến nông tỉnh - Các Doanh nghiệp và hộ dân trên địa bàn huyện Kbang và các huyện tương tự. - Ban quản lý các rừng phòng hộ, rừng Quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai		36 tháng		Số N. nghiệp PTNT tỉnh Lai đặt	

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Ghi chú	
				- Mô hình bảo quản và sơ chế Lan Kim tuyến sau thu hoạch qui mô nhỏ, đơn giản tiết kiệm năng lượng tại 01-02 doanh nghiệp và một số hộ nông dân tại huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. - Tổ chức 03 lớp tập huấn chuyển giao quy trình trồng và sơ chế cây Lan Kim tuyến dưới tán rừng cho 90 nông dân tại huyện Kbang tỉnh Gia Lai. 01 - 02 bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành trong nước.				Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Gia Lai đặt hàng.
2	Dự án: “Xây dựng vùng nguyên liệu lúa cận đặc sản theo hướng hàng hóa tại Gia Lai”.	Mục tiêu chung: Xây dựng vùng nguyên liệu lúa cận đặc sản bằng các giống được tuyển chọn năng suất cao (3,5-4 tấn/ha) trên cơ sở phát huy lợi thế và sử dụng hiệu quả tiềm năng đất đai theo hướng bền vững góp phần nâng cao thu nhập và đảm bảo an ninh lương thực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số. - Góp phần xóa đói giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số chuyên trồng lúa cạn, không có điều kiện chuyển đổi cây trồng. - Phục tráng, bảo tồn quỹ gen quý của tỉnh. Mục tiêu cụ thể: - Tổ chức xây dựng vùng sản xuất nguyên liệu theo hướng	- Nội dung 1: Xây dựng mô hình sản xuất giống + Địa điểm bố trí: huyện Mang Yang và Kongchro + Giống sử dụng: Ba Chấm, Ba Jú, Ba Ruê. + Qui mô: 03ha/giống x 03 giống = 09 ha + Thời gian: năm 2018- 2019 - Nội dung 2: Xây dựng vùng nguyên liệu lúa cận đặc sản. + Qui mô: 40 ha tại huyện Kong Chro và Mang Yang + Thời gian: năm 2019- 2020 + Giống lúa: Ba Jú, Ba Chấm, Ba Ruê. - Nội dung 3: Tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất lúa cạn cho các hộ dân trong và ngoài dự án. + Qui mô: (100 lượt hộ dân tham gia); - Nội dung 4: Hoàn thiện qui trình canh tác 03 giống lúa cạn (Ba Chấm, Ba Jú, Ba Ruê) theo hướng hữu cơ.	- 09 ha mô hình giống - 40 ha diện tích trồng lúa cận đặc sản tại huyện Kong Chro và Mang Yang với sản lượng đạt 120 tấn lúa/năm. - Hình thành 04 cơ sở sản xuất giống lúa cạn có công bố tiêu chuẩn cơ sở. - 100 hộ nông dân được chuyển giao kỹ thuật thâm canh cây lúa cạn. - Qui trình canh tác giống lúa đặc sản Ba Chấm theo hướng hữu cơ có năng suất từ 3 tấn/ha – 4 tấn/ha được chuyển giao cho các hợp tác xã, tổ hợp tác tại địa phương. - Nhân hiệu, thương hiệu	Các huyện Đông Trường Sơn của tỉnh Gia Lai (Kong Chro, Đăk Kbang, Đăk Pơ, Mang Yang), các địa phương sản xuất lúa cạn.	36 tháng	Sở NN&PTNT, Liên minh HTX tỉnh.	



Tên nhiệm vụ		Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Chi phí
		hàng hóa tập trung. - Tạo lập liên kết giữa người dân và doanh nghiệp theo chuỗi giá trị để phát triển bền vững. - Xây dựng được mô hình sản xuất lúa giống và lúa thịt đối với các giống lúa cận đặc sản cho chất lượng tốt. - Xây dựng được quy trình sản xuất lúa cận sạch, hữu cơ. - Tổ chức tập huấn kỹ thuật, qua đó trang bị những kiến thức cơ bản cho các hộ, nâng cao nhận thức cho người dân trong việc ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa giống; sản xuất lúa cận cảnh đồng lớn; năng cao năng suất, chất lượng 9000ha lúa cận trên địa bàn tỉnh. - Gắn kết giữa sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thông qua liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp. - Xây dựng thương hiệu gạo đặc sản góp phần nâng cao giá trị sản phẩm gạo của tỉnh trên thị trường.	- Nội dung 5: Xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, đăng ký chất lượng cho sản phẩm lúa cận đặc sản. Liên kết với doanh nghiệp hoặc hợp tác xã để tiêu thụ sản phẩm.	hàng hóa cho sản phẩm lúa cận của các vùng sản xuất tập trung. - Đăng ký chất lượng cho sản phẩm lúa cận đặc sản của địa phương. - Hình thành 02 tổ hợp tác (HTX) tại 2 huyện KongChro và Mang Yang để liên kết với doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị.			
3	Đề tài: “Đánh giá sinh trưởng và kỹ thuật trồng các loài cây, phục vụ công tác trồng rừng sản xuất và đề xuất biện pháp kinh doanh hiệu quả”.	Mục tiêu chung: - Qua đánh giá thực trạng sinh trưởng cũng như kỹ thuật trồng rừng của những loài hiện hữu trên các lâm phần rừng sản xuất của tỉnh để phân tích và đề xuất kỹ thuật trồng nhằm tối ưu hiệu quả. - Sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp trong công tác trồng	- Nội dung 1: Đánh giá hiện trạng rừng SX gắn liền với mục tiêu kinh doanh và các loài cây trồng và lập địa - Nội dung 2: Đánh giá sự sinh trưởng loài cây ở từng lâm phần (D,H,V). - Nội dung 3: Đánh giá các giải pháp kỹ thuật lâm sinh đã tác động. - Nội dung 4: Đánh giá sơ bộ hiệu quả sử dụng đất lâm nghiệp khi chuyển đổi rừng trồng cao su, đề xuất giải pháp sử dụng hiệu	- Bảo cáo tổng hợp đề tài. - Đào tạo 2-3 kỹ sư lâm nghiệp. 01-2 thạc sĩ lâm sinh. - 01 bảo báo đăng trên tạp chí chuyên ngành của bộ hoặc viện chuyên ngành, có chỉ số ISSN. - Xác định các loài cây trồng rừng phù hợp cho	- Sở NN&PTNT - Sở TN&MT - Các chi cục: Kiểm lâm, BVMT - Các huyện, thị xã, thành	24 tháng	Sở Nông nghiệp PTNT tỉnh Lai đặt h

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Ghi chú
		rừng. - Phục hồi, phát triển rừng, bảo vệ môi trường, chống sói mòn. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá sự sinh trưởng của các loài cây rừng SX để thấy được các giải pháp, kỹ thuật lâm sinh tác động, phương thức trồng đã thích hợp chưa và cần sự thay đổi gì. - Xác định các loài cây rừng phù hợp cho công tác trồng rừng hiệu quả ở từng huyện, ban quản lý rừng phòng hộ, công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. - Từ kết quả thực tế của các loài đã trồng rừng SX; phương thức, phương pháp và các biện pháp kỹ thuật lâm sinh đã tác động cần đề xuất các biện pháp để tối ưu hóa hiệu quả theo các mục tiêu của rừng sản xuất.	quả. - Nội dung 5: Đánh giá kỹ thuật trồng, phương thức, phương pháp trồng. (Đánh giá ở những mặt tồn tại, hạn chế và nguyên nhân). - Nội dung 6: Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả.	từng địa phương, BQL rừng phòng hộ, các công ty lâm nghiệp. - Báo cáo xác định các biện pháp kỹ thuật Lâm sinh phù hợp với phương thức trồng và loài cây trồng rừng phù hợp. - Báo cáo đề xuất các phương thức, giải pháp, mô hình Nông Lâm kết hợp phù hợp để sử dụng hiệu quả đất lâm nghiệp.	phổ thuộc tỉnh - Các đơn vị kinh doanh rừng		
4	Đề tài: “Trồng thử nghiệm cây sâm Ngọc Linh trên vùng núi Kbang tỉnh Gia lai”.	Mục tiêu chung: Đánh giá được điều kiện sinh thái rừng và các yếu tố ảnh hưởng đến việc di thực cây sâm Ngọc Linh về trồng tại khu vực rừng của huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Xác định vùng tương đồng sinh thái cây sâm Ngọc Linh ở vùng núi huyện Kbang. - Thử nghiệm gây trồng sâm Ngọc Linh trên vùng tương đồng sinh thái	- Nội dung 1: + Khảo sát, xác định vùng tương đồng sinh thái và khu vực trồng thử nghiệm sâm Ngọc Linh ở vùng núi huyện Kbang. - Nội dung 2: trồng thử nghiệm sâm Ngọc Linh trên vùng tương đồng sinh thái (Trồng thử nghiệm 03 mô hình ở các điều kiện sinh thái khác nhau dưới tán rừng). Quy mô: 03 MH x 0,5 ha/MH (Trong quá trình nghiên cứu cần có sự phối hợp, tham gia của các doanh nghiệp hoặc Công ty Lâm nghiệp)	- Bàn đồ vùng tương đồng sinh thái cây sâm Ngọc Linh. - Các báo cáo liên quan - 03 Mô hình trồng thử nghiệm sâm Ngọc Linh. - Báo cáo đánh giá sinh trưởng sâm Ngọc Linh khu vực Kbang và đề xuất định hướng phát triển sâm Ngọc Linh ở huyện Kbang. - Quy trình trồng, chăm sóc, Sâm Ngọc Linh tại	Các đơn vị, doanh nghiệp, hoặc Công ty Lâm nghiệp có nhu cầu trồng sâm Ngọc Linh trên địa bàn tỉnh Gia Lai	36 tháng	Sở KH&CN tỉnh Gia Lai đặt hàng.



		Mục tiêu		Nội dung		Sản phẩm dự kiến		Khả năng địa chỉ áp dụng		Thời gian thực hiện		Ghi			
LĨNH VỰC: CÔNG NGHIỆP, ĐIỀU TRA CƠ BẢN, NGHIÊN CỨU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG															
5		Đề tài: “Xây dựng phần mềm phát hiện mất rừng, cháy rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai từ ảnh vệ tinh theo thời gian thực”.		Mục tiêu chung: Hoàn thành phần mềm sớm phát hiện mất rừng, cháy rừng, phục vụ việc quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu cụ thể: - Xây dựng phần mềm thu thập, xử lý, phân tích về hiện trạng rừng bị mất, bị cháy theo thời gian thực từ ảnh vệ tinh. - Xác định được vị trí, diện tích rừng bị mất; vị trí rừng đang bị cháy trên bản đồ. - Kết xuất được các file báo cáo dưới các dạng: văn bản (Word), bảng biểu (Excel), bản đồ.... theo yêu cầu quản lý.		- Nội dung 1: Nghiên cứu, phân tích các tài liệu về tài nguyên rừng, diện tích các loại rừng, quy hoạch các loại rừng của tỉnh Gia Lai; phân tích các nguyên nhân gây mất rừng, cháy rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai trong thời gian gần đây (khoảng 3-5 năm). - Nội dung 2: Thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu về rừng; - Nội dung 3: Nghiên cứu thiết kế chức năng, giao diện của phần mềm, thích hợp với các chuẩn quốc gia về phần mềm và chuẩn ảnh vệ tinh theo thời gian thực. - Nội dung 4: Lập trình, cài đặt hệ thống, chạy thử nghiệm, bàn giao công nghệ cho các đơn vị sử dụng. Công nghệ được bàn giao phải có mã nguồn (source) phần mềm, đào tạo để có thể làm chủ mã nguồn trong việc điều chỉnh, phát triển, nâng cấp, sử dụng hiệu quả.... - Nội dung 5: Đào tạo, tập huấn sử dụng, khai thác phần mềm. 02 nội dung (02 lớp) đào tạo: + Đào tạo về mã nguồn phần mềm, cài đặt, quản lý, vận hành phần mềm (dành cho cán bộ kỹ thuật, quản lý): 05 người. + Đào tạo sử dụng, khai thác phần mềm (dành cho người sử dụng, quản lý về rừng): 30 người.		- Phần mềm phát hiện mất rừng, cháy rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai. - Đào tạo, chuyển giao công nghệ cho cán bộ kỹ thuật vận hành phần mềm: 05 người; đào tạo sử dụng phần mềm: 30 người. - 01 đến 02 bài báo.		- Sở Tài nguyên và Môi trường - Chi Cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, - Công an tỉnh; - Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.		12 tháng		Số Tài nguyên và Môi trường Chi Cục Kiểm lâm tỉnh Lai đặt h	

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Ghi chú
6	Đề tài: “Thiết kế chế tạo hệ thống máy chế biến thịt bò một bộ phận tại huyện Krông Pa.”	Mục tiêu chung: - Thiết kế chế tạo hệ thống máy chế biến thịt bò một bộ phận nhằm gia tăng chất lượng và giá trị sản phẩm. Qua đó phát triển sản phẩm thịt bò một bộ phận thành một sản phẩm đặc trưng của tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Chế tạo hệ thống máy chế biến thịt bò một bộ phận khép kín kết hợp năng lượng tái tạo, giúp giảm thiểu ô nhiễm môi trường trong sản xuất. - Xây dựng quy trình kỹ thuật chế biến thịt bò một bộ phận phù hợp với hệ thống máy chế biến.	- Nội dung 1: Chế tạo hệ thống máy chế biến thịt bò một bộ phận khép kín kết hợp năng lượng tái tạo. Năng suất 100kg sản phẩm/ngày. - Nội dung 2: Xây dựng quy trình kỹ thuật chế biến thịt bò một bộ phận phù hợp với hệ thống máy chế biến. - Nội dung 3: Xây dựng mô hình các hộ sản xuất sản phẩm bò một bộ phận, Quy mô 10 hộ dân tham gia/02 hệ thống máy sản xuất.	- Hệ thống máy chế biến thịt bò một bộ phận khép kín kết hợp năng lượng tái tạo. Năng suất 100kg sản phẩm/ngày (02 hệ thống máy sản xuất). - Bản vẽ chi tiết thiết kế, chế tạo máy. - Mô hình sản xuất sản phẩm thịt bò một bộ phận (gồm 10 hộ).	Các hộ kinh doanh sản phẩm bò một bộ phận trên địa bàn huyện Krông Pa và một số địa phương lân cận.	18 tháng	Sở KH&CN tỉnh Gia Lai đặt hàng.
7	Đề tài: “Đánh giá sức chịu tải môi trường và đề xuất các giải pháp quản lý bảo vệ môi trường, khắc phục tình trạng ô nhiễm tại một số thủy vực trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.	Mục tiêu chung: Đánh giá thực trạng chất lượng môi trường nước và xác định khả năng tiếp nhận nguồn thải của các lưu vực sông trên địa bàn tỉnh nhằm đề xuất các giải pháp phát triển bền vững. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá thực trạng chất lượng môi trường nước một số lưu vực sông trên địa bàn tỉnh Gia Lai (sông Ba, sông Sê San). - Tính toán được khả năng chịu tải môi trường của lưu vực sông giai đoạn 2020-2030 và dự báo đến năm 2035. - Đề xuất các giải pháp đảm bảo sức chịu tải của một số lưu vực sông theo định hướng phát triển	- Nội dung 1: Thu thập thông tin, điều tra khảo sát điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; các nguồn thải liên quan đến khu vực nghiên cứu. - Nội dung 2: Thu thập, điều tra khảo sát, đo đạc địa hình đáy, mặt cắt sông và các đặc trưng thủy văn của lưu vực nghiên cứu. - Nội dung 3: Đo đạc và thu mẫu; phân tích, đánh giá các nguồn thải vào lưu vực, chất lượng môi trường các đoạn sông thuộc lưu vực nghiên cứu. - Nội dung 4: Xây dựng mô hình hóa dự báo chất lượng nguồn nước và sức chịu tải môi trường của các lưu vực sông; xác định tải lượng tối đa của các nguồn thải cho phép thải vào lưu vực (theo kịch bản về Biến đổi khí hậu và các quy hoạch/kế hoạch phát triển KT-XH khu vực). - Nội dung 5: Đề xuất các giải pháp phát	- Bộ tư liệu gốc gồm số liệu đo đạc, quan trắc, phân tích; nhật ký, phiếu điều tra khảo sát và các bản vẽ, hình ảnh của đề tài. - Các báo cáo: + Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu của đề tài. + Các báo cáo chuyên đề. + Các bản đồ quan trắc, phân vùng ô nhiễm lưu vực sông. - 03 bài công bố trên các tạp chí địa phương, tạp chí chuyên ngành. - Tham gia đào tạo 01 thực sỹ.	- Các tổ chức, ban ngành, UBND các cấp. - Các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ có nhu cầu sử dụng hoặc xả thải vào nguồn nước.	24 tháng	Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai đặt hàng.



Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Ghi
Đề tài: “Nghiên cứu giải pháp công nghệ thủy – lâm kết hợp chống xói mòn, sạt lở một số khu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba, tỉnh Gia Lai nhằm thích nghi với biến đổi khí hậu”.	Mục tiêu chung Xây dựng giải pháp công nghệ thủy – lâm kết hợp nhằm phục hồi và phát triển bền vững một số khu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba của tỉnh Gia Lai trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Mục tiêu cụ thể: - Đánh giá các dạng thiên tai thường xảy ra ở một số khu vực thuộc lưu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba trên địa bàn tỉnh Gia Lai; - Đánh giá tình hình sạt lở, xói mòn và các giải pháp đã triển khai tại lưu vực Sông Ba – tỉnh Gia Lai. Đề ra các giải pháp phù hợp để tác động; - Đánh giá biến đổi khí hậu và những tác động của nó đến sự phát triển khu vực Gia Lai, làm cơ sở để đưa ra kế hoạch hành động và các nhóm giải pháp khả thi ứng phó với BĐKH theo hướng phát triển lâm nghiệp bền vững; - Xây dựng được giải pháp thủy – lâm kết hợp nhằm ứng phó với BĐKH tại một số khu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba tỉnh Gia Lai; - Xây dựng 01 mô hình thủy – lâm kết hợp nhằm thích ứng với BĐKH tại một số khu vực sông.	triển bền vững cho các lưu vực sông. - Nội dung 1: Điều tra và đánh giá các dạng thiên tai thuộc lưu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba thường xảy ra ở khu vực Gia Lai. - Nội dung 2: Nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến khu vực nghiên cứu. - Nội dung 3: Xây dựng giải pháp thủy – lâm kết hợp nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu tại một số khu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba tỉnh Gia Lai (giải pháp về thủy lợi và giải pháp về lâm nghiệp). + Giải pháp về thủy lợi (giải pháp kè, đập sinh thái, trữ, tích nước mùa khô). + Giải pháp về lâm nghiệp (trồng rừng, phục hồi rừng, làm giàu rừng; chọn loài cây trồng rừng đáp ứng tiêu chí cây giữ nước, bảo vệ, cải tạo đất, chống xói mòn, sạt lở và ứng dụng giải pháp về kỹ thuật lâm sinh trong trồng rừng). - Nội dung 4: Xây dựng 01 mô hình thủy – lâm kết hợp (mô hình trồng rừng phòng hộ đầu nguồn kết hợp giải pháp về thủy lợi). - Nội dung 5: Đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ thích ứng với BĐKH tại một số khu vực sông, hồ và lưu vực sông Ba tỉnh Gia Lai;	- Báo cáo khoa học đánh giá được hiện trạng các dạng thiên tai thường xảy ra ở khu vực Gia Lai; - Báo cáo khoa học phân tích và đánh giá được ảnh hưởng của BĐKH tác động đến khu vực nghiên cứu; - Báo cáo khoa học các giải pháp được ưu tiên lựa chọn bao gồm: Lựa chọn loài cây trồng, công trình phù hợp từng khu vực. - 01 mô hình thủy – lâm kết hợp (mô hình vùng núi cao, thượng nguồn sông suối), lưu vực dọc sông Ba tỉnh Gia lai. - Báo cáo đề xuất các giải pháp, mô hình công trình thủy lợi, kết hợp các giải pháp lâm sinh để chống sạt lở, xói mòn, bảo vệ môi trường lưu vực Sông Ba, tỉnh Gia Lai. - Công bố 02 bài báo trong nước; - Đạo tạo 02 thực sĩ.	UBND các cấp. Sở Tài nguyên và Môi trường Sở Nông nghiệp & PTNT.	24 tháng	Sở KH đất h

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Nội dung	Sản phẩm dự kiến	Khả năng địa chỉ áp dụng	Thời gian thực hiện	Ghi chú
LĨNH VỰC: Y TẾ- VĂN HÓA – XÃ HỘI- AN NINH QUỐC PHÒNG							
9	Đề tài: “Sưu tầm và bảo tồn giá trị trang phục truyền thống các dân tộc bản địa trên địa bàn tỉnh Gia Lai”.	Mục tiêu chung: Bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Mục tiêu cụ thể: - Nghiên cứu giá trị của trang phục truyền thống Jrai, Bahnar và một số dân tộc thiểu số khác đang sinh sống tại tỉnh Gia Lai. - Đánh giá thực trạng của trang phục truyền thống và lực lượng nghệ nhân dệt trong các dân tộc được nghiên cứu. - Đề xuất các nhóm giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị trang phục truyền thống của các dân tộc; các giải pháp phát triển lực lượng nghệ nhân dệt tại tỉnh Gia Lai.	- Nội dung 1: Sưu tầm, khảo sát, phân loại trang phục truyền thống của người Jrai, Bahnar và một số dân tộc thiểu số khác đang sinh sống tại tỉnh Gia Lai. - Nội dung 2: Nghiên cứu giá trị của trang phục truyền thống của các dân tộc trên đặc biệt là Bahnar và Jrai. - Nội dung 3: Đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị của trang phục truyền thống các dân tộc trên cũng như phát triển lực lượng nghệ nhân của các dân tộc ít người tiêu biểu tại tỉnh Gia Lai. - Nội dung 4: Lắp đặt và bàn giao 01 phòng trưng bày “Sản phẩm dệt truyền thống Gia Lai” tại Pleiku nhằm tôn vinh, quảng bá trang phục dệt truyền thống (dự kiến trưng bày 70-100 bộ trang phục). - Nội dung 5: Lựa chọn 02 mẫu hoa văn dệt tiêu biểu nhất của 02 dân tộc Bahnar và Jrai để ứng dụng thiết kế trang trí cổ động trực quan tại các biển, băng, pano, phòng trưng bày của tỉnh.	- 01 báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu (hơn 120 trang A4). - 07 báo cáo chuyên đề. - 02 bài báo khoa học. - 350 ảnh (trong đó, khoảng 100 ảnh nghệ nhân, 250 ảnh dụng cụ, nguyên liệu, sản phẩm trang phục truyền thống). - 02 mẫu hoa văn dệt tiêu biểu của người Bahnar và Jrai để thiết kế ứng dụng tuyên truyền cổ động trực quan. - 01 phòng trưng bày “Sản phẩm dệt truyền thống Gia Lai”, bao gồm một số khung cửi truyền thống, vật liệu dệt, xếp đặt, trưng bày khoảng 70-100 trang phục cùng với trang sức phụ kiện kèm theo.	- Sở Giáo dục và Đào tạo. - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Các cá nhân, tập thể công tác nghiên cứu, giảng dạy.	24 tháng	Sở KH&CN đặt hàng

Danh mục này có 09 nhiệm vụ, trong đó:

- Lĩnh vực: Nông – Lâm nghiệp: 04 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực: Công nghiệp, điều tra cơ bản, nghiên cứu bảo vệ môi trường: 04 nhiệm vụ.
- Lĩnh vực: Y tế- Văn hóa – Xã hội- An ninh quốc phòng : 01 nhiệm vụ./.